

Số: 21 /KH-UBND

Sơn Động, ngày 26 tháng 5 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện các hợp phần Dự án giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện năm 2017

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ ngân sách trung ương thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, Chương trình 30a thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2016; Kế hoạch giao vốn sự nghiệp năm 2017. UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện năm 2017 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tạo ra sức phát triển mới về kinh tế - xã hội và tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần tạo sự chuyển biến nhanh hơn về nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

2. Yêu cầu

Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững theo hướng sản xuất hàng hoá; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh về rừng, đất đai, tài nguyên khoáng sản và lao động của địa phương cho mục tiêu giảm nghèo. Tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển rộng rãi các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả; nâng cao dân trí, môi trường sinh thái được bảo vệ; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc. củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

II. NỘI DUNG

Tổng nguồn vốn 30a năm 2017 được phân bổ là 38.249.000.000 đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng 21.651.000.000 đồng, vốn sự nghiệp 16.598.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng

Nguồn vốn là 21.651.000.000 đồng được phân bổ theo nguyên tắc trả nợ xây dựng cơ bản đối với các dự án hoàn thành, các công trình chuyển tiếp, công trình khởi công mới và chuẩn bị đầu tư. Cụ thể, năm 2017 phân bổ vốn trả nợ 02 dự án

hoàn thành, 05 dự án chuyển tiếp, 04 dự án khởi công mới; 08 dự án chuẩn bị đầu tư.

1.1. Công trình đã hoàn thành: Nguồn vốn phân bổ là 2.969.500.000 đồng, trả nợ 02 Dự án đã hoàn thành (*Chi tiết tại Phụ lục 02*).

1.2. Công trình chuyển tiếp: Nguồn vốn phân bổ: 11.670.500.000 đồng cho 05 dự án chuyển tiếp (*Chi tiết tại Phụ lục 03*).

1.3. Công trình khởi công mới: Tổng có 04 Dự án khởi công mới với tổng mức đầu tư là 6.311.000.000 đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 04*).

1.4. Dự án chuẩn bị đầu tư: Có 08 dự án, tổng mức đầu tư năm 2017 là 700.000.000 đồng, (*Chi tiết tại Phụ lục 06*).

2. Vốn sự nghiệp: Tổng kinh phí cần phân bổ là 16.598.000.000 đồng cho các dự án sau:

2.1. Duy tu, bảo dưỡng các công trình: Kinh phí là 1.300.000.000 đồng, (*Chi tiết tại Phụ lục 05*).

2.2. Chính sách hỗ trợ về Văn hóa – Thông tin: Tổng kinh phí phân bổ 1.300.000.000 đồng, giao cho các cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư như sau:

2.2.1. Phòng Văn hóa và Thông tin: Tổng kinh phí là 100.000.000 đồng, trong đó:

- Tập huấn và bảo tồn chữ viết dân tộc Dao, xã Tuấn Mậu: Kinh phí 50.000.000 đồng.

- Tập huấn kỹ thuật nấu ăn phục vụ khách du lịch: Kinh phí 50.000.000 đồng.

2.2.2. Đài Truyền thanh - Truyền hình: Kinh phí 1.200.000.000 đồng, trong đó:

- Sửa chữa nhà Trạm tiếp sóng xã Long Sơn. Kinh phí: 450.000.000 đồng.

- Sửa chữa nhà Trạm tiếp sóng xã Cẩm Đàn. Kinh phí: 450.000.000 đồng.

- Bảo dưỡng cột phát sóng Trạm Long Sơn. Kinh phí: 30.000.000 đồng.

- Bảo dưỡng cột phát sóng Trạm Cẩm Đàn. Kinh phí: 30.000.000 đồng.

- Hỗ trợ nâng cấp Đài truyền thanh xã (3 xã). Kinh phí: 240.000.000 đồng.

2.3. Chính sách phát triển dạy nghề, gắn với tạo việc làm, xuất khẩu lao động:

Giao Phòng LĐTB&XH làm chủ đầu tư. Tổng kinh phí 1.757.550.000 đồng, trong đó:

- Hỗ trợ dạy nghề: Kinh phí 1.405.050.000 đồng, gồm:

+ Nhóm nghề phi nông nghiệp: Kinh phí 631.850.000 đồng.

+ Nhóm nghề nông nghiệp: Kinh phí 773.200.000 đồng.

- Công tác tuyên truyền chính sách XKLD: Kinh phí 307.500.000 đồng.

- Chính sách đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở: Kinh phí 45.000.000 đồng.

2.4. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất: Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư. Tổng kinh phí 7.000.000.000 đồng, trong đó:

- Mua thóc giống, ngô giống: Kinh phí 1.700.000.000 đồng.
- Hỗ trợ chăn nuôi gà 21 ngày tuổi: Kinh phí 2.000.000.000 đồng
- Hỗ trợ trồng cây dược liệu: Kinh phí 1.000.000.000 đồng.
- Hỗ trợ trồng cây ăn quả: Kinh phí 1.800.000.000 đồng.
- Hỗ trợ tiêm phòng vacin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm: Kinh phí 300.000.000 đồng.
- Mở rộng mô hình trồng nấm Sơn Động: Kinh phí 200.000.000 đồng.

2.5. Chính sách hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc, bảo vệ rừng: Giao Hạt Kiểm lâm làm chủ đầu tư. Tổng kinh phí là: 3.949.000.000 đồng, trong đó:

- Trồng 800ha rừng tập trung: Kinh phí 2.960.000.000 đồng;
- Trồng 430.000 cây phân tán: Kinh phí 989.000.000.000 đồng.

2.6. Chính sách tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình: Giao Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình làm chủ đầu tư. Kinh phí 300.000.000 đồng, cho công tác tuyên truyền tuyến huyện, xã.

2.7. Chính sách hỗ trợ, đầu tư cho Công nghệ thông tin: Giao Văn phòng HĐND và UBND làm chủ đầu tư. Kinh phí 200.000.000 đồng.

2.8. Chính sách hỗ trợ mua thiết bị thu gom rác thải: Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư. Kinh phí 500.000.000 đồng.

2.9. Chính sách hỗ trợ tập huấn nghiệp vụ chuyên môn thực hiện chính sách đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tại chỗ, cán bộ cơ sở: Kinh phí 291.450.000 đồng, phân bổ cho các cơ quan, đơn vị như sau:

2.9.1. Phòng Tư pháp: Tập huấn thực hiện các văn bản mới, nghiệp vụ công tác tư pháp với tổng kinh phí: 50.000.000 đồng.

2.9.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Tập huấn Quản lý và sử dụng đất đai. Kinh phí 50.000.000 đồng.

2.9.3. Thanh tra huyện: Tập huấn nghiệp vụ về kê khai tài sản và công tác thanh tra nhân dân. Kinh phí 50.000.000 đồng.

2.9.4. Phòng Nội vụ: Tập huấn các tổ chức hội. Kinh phí 61.450.000 đồng.

2.9.5. Hội Nông dân huyện: Tập huấn nghiệp vụ công tác Hội Nông dân. Kinh phí 50.000.000 đồng.

2.9.6. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội: Tập huấn nghiệp vụ công tác Hội Người mù: Kinh phí 30.000.000 đồng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu văn bản trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Kế hoạch; tham mưu Quyết định giao chủ đầu tư, phân bổ vốn sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị sau khi được giao chủ đầu tư tự xây dựng kế hoạch trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt, đồng thời tổ chức thực hiện và báo cáo

tiến độ thực hiện với Chủ tịch UBND huyện qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân theo định kỳ tháng, quý, năm.

3. Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp, theo dõi tiến độ thực hiện của các chủ đầu tư báo cáo UBND huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Bắc Giang theo định kỳ.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện các hợp phần dự án giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện Sơn Động năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bắc Giang (báo cáo);
- Thường trực Huyện ủy, HĐND (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Các Thành viên UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- LĐVP, CVTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Ngạn

Phụ lục số 01: Các Dự án giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ
 (Kèm theo Kế hoạch số: 21 /KH-UBND ngày 26 /5/2017 của UBND huyện Sơn Động)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung đầu tư	Vốn năm 2017	Khối lượng thực hiện	Tiến độ (%)	Giải ngân	Tỷ lệ (%)
1	Vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng	21,651.00				
	-Công trình trả nợ hoàn thành	2,969.50				
	-Công trình chuyển tiếp	11,670.50				
	-Công trình khởi công mới	6,311.00				
	- Công trình chuẩn bị đầu tư	700.00				
2	Vốn Sự nghiệp	16,598.00				
2.1	Hỗ trợ Dạy tu, bảo dưỡng các công trình	1,300.00				
2.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, công nghệ thông tin, môi trường, giáo dục đào tạo và dạy nghề	15,298				
	-Chính sách đào tạo dạy nghề gắn với tạo việc làm và xuất khẩu lao động	1,757.55				
	-Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp	7,000.00				
	-Chính sách Văn hóa - Thông tin	1,300.00				
	-Chính sách hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, giao rừng	3,949.00				
	-Chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình	300.00				
	- Chính sách đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tại chỗ, cán bộ cơ sở	291.45				
	-Chính sách hỗ trợ, đầu tư cho công nghệ thông tin	200.00				
	-Chính sách hỗ trợ mua thiết bị thu gom rác thải	500.00				
	Tổng cộng	38,249.00				

Phụ lục số 02: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Trả nợ dự án đã hoàn thành)
 (Kèm theo Kế hoạch số : 24 /KH-UBND ngày 16/5/2017 của UBND huyện Sơn Động)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã cấp đến 31/12/2016	Vốn năm 2017	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân %
1	Đường bê tông thôn Thanh Hương đi thôn Đắng, xã Long Sơn	xã Long Sơn	4,839	4,215	623.8		
2	Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề Sơn Động	TT. An Châu	10,367	8,021.000	2,345.7		
Tổng cộng			15,206	12,236	2,969.5		

Phụ lục số 03: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Dự án chuyển tiếp)
 Kèm theo Kế hoạch số : 21 /KH-UBND ngày 26/5/2017 của UBND huyện Sơn Động

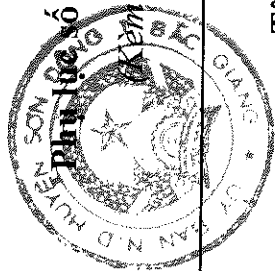
ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã cấp đến 31/12/2016	Vốn năm 2017	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Tiến độ KL thực hiện đến nay
1	Đường bê tông đi thôn Tiên Lý, xã Yên Định	xã Yên Định	6,207	2,690	2,574.5			
2	Đường bê tông thôn Hạ đi thôn Tầu, xã Long Sơn	xã Long Sơn	5,976	2,690	2,394.0			
3	Đường bê tông thôn Răng, thôn Ao Giang, xã Cẩm Đàn	xã Cẩm Đàn	5,756	2,561	2,344.0			
4	Đường bê tông thôn Thác, xã An Lạc	xã An Lạc	5,376	2,470	2,134.0			
5	Đường bê tông thôn Dã, xã Long Sơn đi thôn Nam Bồng, xã Bồng Am	xã Long Sơn	5,764	2,690	2,224.0			
Tổng cộng			29,079	13,101	11,670.5			

Phụ lục số 04: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Dự án khởi công mới)
 (Kèm theo Kế hoạch số : 21 /KH-UBND ngày 26 /5/2017 của UBND huyện Sơn Động)

ĐVT: Triệu đồng

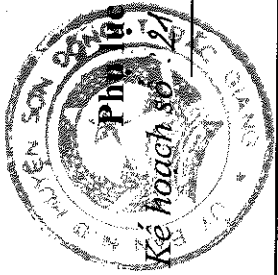
STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Tổng mức đầu tư	Vốn năm 2017	Giải ngân	Tiến độ KL thực hiện đến nay
1	Đường vào trung tâm xã An Lạc (đoạn qua thôn Đồng Dương)	xã An Lạc	4,970	1,540		
2	Đường vào trung tâm xã An Lạc (đoạn từ thôn Rõng đi thôn Đồng Dương)	xã An Lạc	4,050	1,611		
3	Đường bê tông từ thôn Tàu đi thôn Thượng, xã Long Sơn	Xã Long Sơn	4,986	1,590		
4	Đường bê tông thôn Nhân Định (khu khe Róng), xã Yên Định	xã Yên Định	4,890	1,570		
Tổng			18,896	6,311		



Phụ lục số 05: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Duy tu bảo dưỡng các công trình)
Kèm theo Kế hoạch số : 21 /KH-UBND ngày 15/2016 của UBND huyện Sơn Đông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm đầu tư	Năm thực hiện đầu tư	Tổng dự toán	KH vốn năm 2017	Giải ngân	Tiến độ thực hiện
1	Sửa chữa, duy tu đường Ké-Mỏ	xã An Châu	2009	470	470		
2	Sửa chữa, duy tu đường bê tông thôn Mạn đến thôn Hân 1, Hân 2	xã An Lập	2014	340	340		
3	Sửa chữa, duy tu mương cứng hồ Khe Áng, thôn Trại Chùa	Xã Yên Định	2013	490	490		
4	Dự kiến trả nợ các dự án hoàn thành đã quyết toán						
	Tổng cộng:				1,300		



Phụ lục số 06: Hỗ trợ Dự án chuẩn bị đầu tư
(Kèm theo Kế hoạch số 22 /KH-UBND ngày 26 /5/2017 của UBND huyện Sơn Động)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian	Tổng mức đầu tư	Vốn năm 2017	Giải ngân	Tỷ lệ giải ngân	Tiến độ KL thực hiện đến nay
1	Nhà Văn hóa thôn Khuân Ngoát, xã Chiên Sơn	xã Chiên Sơn	2018-2019	1,489	50			
2	Đường bê tông thôn Chao, xã An Lập	xã An Lập	2018-2020	4,980	100			
3	Đường bê tông thôn Điệu Dưới đi Điệu Trên, xã Long Sơn	xã Long Sơn	2018-2021	4,980	100			
4	Đường bê tông thôn Đường Mạ đi thôn Đồng Làng, xã Dương Hưu	xã Dương Hưu	2018-2022	4,995	100			
5	Đường bê tông thôn Đồng Dầu đi thôn Đồng Tàn, xã An Bá	xã An Bá	2018-2023	4,985	100			
6	Đường bê tông Góc Gạo đi thôn Khuôn Mười, xã Cẩm Đàn	xã Cẩm Đàn	2018-2024	4,980	100			
7	Kênh Mương cứng đi thôn Khuôn Cầu 2, xã Quế Sơn	xã Quế Sơn	2018-2025	1,735	50			
8	Đường bê tông đi thôn Nhân Định, xã Yên Định (Khu 32- khu Đồi Chè)	xã Yên Định	2018-2026	4,980	100			
Tổng cộng				33,124	700			